



yuán qū

园区

Noun · park

Example Sentences

zhè ge yuán qū hěn dà
这个园区很大。

This park is very big.

zhōu mò nǐ xiǎng qù xīn kāi fàng de wén huà chuàng yì yuán qū guàng guàng ma
周末你想去新开放的文化创意园区逛逛吗？

Do you want to visit the newly opened cultural and creative park this weekend?

wǒ men gōng sī zài kē jì yuán qū lǐ
我们公司位于科技园区里。

Our company is located in the technology park.

Trace each character, then write the word on your own.

园	园	园	园	园	园	园	园	园	园
区	区	区	区	区	区	区			